

Số: 28/2025/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 297/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Anh D, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Nay là số A, tổ A, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông D: ông Hứa Văn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số A, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Nay là số A, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2024).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Nay là số A, tổ A, ấp K, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà H: ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Nay là Ấp A, xã H, tỉnh An Giang)

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà Bùi Thị Bích L, sinh năm 1956.
- 3.2. Anh Trương Duy T, sinh năm 1982.
- 3.3. Chị Trương Thị Anh Đ1, sinh năm 1980.
- 3.4. Chị Trương Thị Hoàng O, sinh năm 1984
- 3.5. Chị Trương Thị Hoàng Y, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Số A, tổ A, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Nay là số A, tổ A, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L, anh T, chị Đ1, chị O, chị Y: ông Hứa Văn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số A, ấp K, xã T, thành phố S (Nay là số A, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2024).

- 3.6. Ông Nguyễn Hồng P1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A, tổ A, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Số A, tổ A, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp của anh P1: ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Nay là Ấp A, xã H, tỉnh An Giang).

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2024).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trương Anh D và bà Nguyễn Thị H như sau:

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 348, 341, 325 cùng tờ bản đồ số 19 của hộ ông Trương Anh D với thửa đất số 320, tờ bản đồ số 19 của hộ bà Nguyễn Thị H, tọa lạc tại ấp K, xã T, thành phố S (nay là khóm K, phường S) là đường nối từ các mốc M4-M16A-M15A-M14A theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ2), tỉnh Đồng Tháp.

Có sơ đồ đo đạc xác nhận ngày 08/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ2), tỉnh Đồng Tháp và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Đồng Tháp kèm theo.

Trên cơ sở xác định ranh giới quyền sử dụng đất nêu trên, các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đất đã được Quyết định của Tòa án xác định theo chiều thẳng đứng không gian và lòng đất theo quy định pháp luật. Tài sản của bên nào lấn chiếm ranh đất phải tự tháo dỡ di dời theo quy định của pháp luật (nếu có).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm các bên thỏa thuận:

Ông Trương Anh D và bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do ông D và bà H là người cao tuổi và có đơn miễn giảm án phí theo quy định.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Tổng số tiền là 15.071.920 đồng (lấy tròn là 15.072.000 đồng), các đương sự thỏa thuận như sau:

Ông Trương Anh D và bà Nguyễn Thị H mỗi người chịu 7.536.000 đồng. Do ông Trương Anh D đã nộp số tiền 15.072.000 đồng nên bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông D số tiền 7.536.000 đồng

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kiều